TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 380/2025/QĐST-HNGĐ	*Gò Vấp, ngày 09 tháng 4 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân thụ lý số 257/2025/HNST ngày 11 tháng 3 năm 2025, về việc "Tranh chấp về ly hôn", giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Chị Trần Thị Ngọc B, sinh năm 1996

Địa chỉ : Số xxx QT, Phường xx, quận GV, Thành phố H.

Bị đơn : Anh Đỗ Thành N, sinh năm 1997.

Địa chỉ : Số xxx QT, Phường xx, quận GV, Thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 58; Điều 107; Điều 116; Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 3 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 3 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

-Nguyên đơn : Chị Trần Thị Ngọc B, sinh năm 1996

Địa chỉ : Số xxx QT, Phường xx, quận GV, Thành phố H.

-Bị đơn : Anh Đỗ Thành N, sinh năm 1997.

Địa chỉ : Số xxx QT, Phường xx, quận GV, Thành phố H.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 66 do Ủy ban nhân dân phường V, Quận x, Thành phố H cấp cho anh N và chị B vào ngày 30/5/2022 không còn hiệu lực).

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

-Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc B và anh Đỗ Thành N thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 66 do Ủy ban nhân dân phường V, Quận x, Thành phố H cấp cho anh N và chị B vào ngày 30/5/2022 không còn hiệu lực).

-Về con chung: Có 01 con chung tên tên Đỗ Đông Q sinh ngày 09/01/2023. Chị B trực tiếp nuôi con Q và anh N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 (*Một triệu đồng)* bắt đầu thực hiện từ tháng 4/2025 cho đến khi trẻ Q tròn 18 tuổi.

-Về tài sản chung, nợ chung : Các bên tự khai không có

Việc thi hành được thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày chị B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh N không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như trên thì hàng tháng anh N còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Anh N có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được cản trở quyền này của anh N.

Trên cơ sở lợi ích con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm hòa giải thành là 150.000 (*Một trăm năm ngàn*) đồng chị B đồng ý tự nguyện chịu. Án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 (*Một trăm năm ngàn*) đồng anh N phải nộp tuy nhiên chị B đồng ý tự nguyện nộp thay cho anh N nên được khấu trừ vào biên lai đã nộp số 0057562 ngày 11/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Do đó chị B đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm hòa giải thành và và anh N đã nộp đủ án phí cấp dưỡng nuôi con hòa giải thành .

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.Gò Vấp;
- UBND phường V, Quận x, TPHCM;
- Lưu hồ sơ vụ án dân sự;

THẨM PHÁN

Tưởng Công Sơn